

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2024.
“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hà** và ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐHPT-ST ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị L, sinh năm 1976; Có mặt
Đăng ký HKTT và hiện trú tại: Thôn Q, xã H, huyện C, Hà Nội;
- 2. Bị đơn:** Anh Hà Văn D, sinh năm 1972; Có mặt
Đăng ký HKTT và hiện trú tại: Thôn Q, xã H, huyện C, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Phùng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, Hà Nội vào ngày 02/02/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Q, xã H, huyện C, Hà Nội.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đánh chửi nhau, chị đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng anh D không sửa đổi tính nết. Năm 2001, anh D đánh chị, chị phải mang hai con lên nhà ngoại ở một năm thì anh D lên nói chuyện bảo chị về nên

chị lại về chung sống, nhưng sau đó anh D cũng không thay đổi nên chị cũng đã phải đi xuất khẩu lao động một thời gian để cho anh D thay đổi, nhưng đến nay anh cũng không thay đổi, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không ai nói với ai, mỗi người ở một tầng nhà. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn D có 03 con chung là Hà Văn T sinh ngày 10/11/1994; Hà Thị D1 sinh ngày 10/8/1997; Hà Văn M sinh ngày 19/3/2006.

Chị có nguyện vọng nuôi con út là Hà Văn M và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Hà Văn D trình bày:** Anh xác nhận anh và chị Phùng Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 02/2/1992 tại UBND xã H, huyện C, Hà Nội.

Sau khi kết hôn được một thời gian cả hai vợ chồng đi buôn bán, xong chị L mãi mê chơi cờ bạc, anh có khuyên bảo cũng không được nên vợ chồng nảy sinh ra mâu thuẫn cãi cọ nhau nhiều lần. Năm 2008 chị L đi lao động xuất khẩu đến cuối năm 2022 thì về nhà. Từ năm 2023 đến nay, chị L đi làm nhưng không thấy kinh tế đâu mà chỉ thấy chơi bởi lô đề, cờ bạc; anh khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Anh xác định vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm. Trước yêu cầu xin ly hôn của chị L, anh không đồng ý ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Anh và chị Phùng Thị L có 03 con chung là Hà Văn T sinh ngày 10/11/1994; Hà Thị D1 sinh ngày 10/8/1997; Hà Văn M sinh ngày 19/3/2006. Anh T đã có gia đình riêng; cháu D1 và cháu M vẫn chung sống cùng vợ chồng anh. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng làm ăn mua được miếng đất, xây được một căn nhà, hiện đang cho vợ chồng anh T ở và làm được 01 nhà tại đất ông cha để lại. Nếu chị L cố tình bỏ anh thì đất và nhà ở vẫn là của chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn – anh D: Xác nhận vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Xác nhận anh có ký vào đơn ly hôn và chị L đã nộp cho Tòa án nhưng do lúc đó chị L đồng ý để lại hết tài sản nên anh mới ký đơn đồng ý ly hôn. Đến nay anh vẫn không đồng ý ly hôn; trường hợp chị L muốn ly hôn thì vợ chồng phải giải quyết xong về tài sản thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chưa chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị L được ly hôn với anh D do tình cảm vợ chồng không còn.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị xem xét giải quyết. Tại phiên tòa anh D đề nghị xem xét vấn đề tài sản thì đề nghị dành quyền khởi kiện cho anh D bằng vụ án chia tài sản sau ly hôn nếu anh D có yêu cầu. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Phùng Thị L có đơn khởi kiện đối với anh Hà Văn D về việc xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh D có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị L và anh Hà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/1994 tại UBND xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh D thì thấy: Chị L cho rằng anh D hay ghen tuông, đánh vợ, nhưng cũng thừa nhận có chơi cờ bạc nhưng là chơi vui anh chị em trong gia đình với nhau. Còn anh D cũng thừa nhận có đánh chị L và xác định vợ chồng không còn tình cảm, chỉ đồng ý ly hôn khi vợ chồng giải quyết xong về tài sản. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh D có 03 con chung là Hà Văn T, sinh ngày 10/11/1994; Hà Thị D1, sinh ngày 10/08/1997; Hà Văn M, sinh ngày 19/03/2006.

Đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cả 03 con chung đều đã thành niên và không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà anh D đề nghị chị L phải thoả thuận, giải quyết về tài sản thì mới đồng ý ly hôn nên dành quyền khởi kiện cho anh D, chị L về giải quyết tài sản chung sau ly hôn trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Hà Văn D.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị L và anh Hà Văn D có 03 con chung là Hà Văn T, sinh ngày 10/11/1994; Hà Thị D1, sinh ngày 10/08/1997; Hà Văn M, sinh ngày 19/03/2006.

Cả ba con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị L phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số BLTU/23/0001610 ngày 01/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hữu Vãng (Số 17/1994);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai